

LÝ THUYẾT VỀ "LỰA CHỌN DUY LÝ" VÀ "HÀNH ĐỘNG CÓ Ý THỨC" TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM THAM NHŨNG

VŨ CÔNG GIAO*
HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC**

Tóm tắt: Lý thuyết về "lựa chọn duy lý" và "hành động có ý thức" là hai trong những lý thuyết được nghiên cứu về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng. Bài viết này, tác giả phân tích hai lý thuyết trên giúp hiểu hơn về những yếu tố được xem là nguồn gốc và có sự ảnh hưởng đến hành vi tham nhũng trong xã hội; từ đó, đề xuất những phương pháp phòng, chống tham nhũng mang lại hiệu quả cao trong thực tiễn.

Từ khóa: Tham nhũng; sự lựa chọn duy lý; hành động có ý thức; phòng, chống tham nhũng.
Ngày nhận bài: 25/12/2018; *ngày biên tập xong:* 27/12/2018; *ngày duyệt bài:* 03/01/2019.

Tham nhũng là vấn đề thu hút sự quan tâm rất lớn của các xã hội, song phòng, chống tham nhũng (PCTN) cũng là một "cuộc chiến" đầy thử thách. Ở các nước đang phát triển cũng như ở Việt Nam, PCTN là một nhiệm vụ cấp thiết, bởi tham nhũng là nguy cơ đe dọa sự tồn vong của chế độ, là lực cản của phát triển đất nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xây dựng niềm tin đối với chính quyền, xúc tiến thương mại, đầu tư nước ngoài và gây nên sự mất ổn định trong xã hội. Việc nghiên cứu các lý thuyết về tham nhũng giúp chúng ta hiểu rõ hơn về đặc trưng, nguồn gốc của tham nhũng từ nhiều góc độ; từ đó, có giải pháp thiết thực

để PCTN. Hai trong số những lý thuyết đó là lý thuyết lựa chọn duy lý và lý thuyết tâm lý học nhận thức (hành động có ý thức).

1. Thuyết lựa chọn duy lý

Thuyết lựa chọn duy lý hay thuyết lựa chọn hợp lý có nguồn gốc từ triết học, kinh tế học và nhân học. Một số nhà khoa học tiêu biểu nghiên cứu về lý thuyết này là Max Weber, George Simmel, George Homans và Peter Blau. Họ cho rằng, bản chất con người

*Phó Giáo sư, Tiến sĩ, khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Nghiên cứu sinh, khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

là vị kỷ, luôn tìm đến sự hài lòng, sự thỏa mãn và lảng tránh sự đau khổ. Một số nhà kinh tế học cổ điển thì nhấn mạnh vai trò động lực cơ bản của yếu tố kinh tế, lợi nhuận khi con người phải đưa ra quyết định lựa chọn hành động. Đặc trưng đầu tiên có tính chất xuất phát điểm của thuyết lựa chọn duy lý chính là các cá nhân thường lựa chọn hành động phù hợp với hoàn cảnh, đem lại lợi ích cho bản thân mình.

Thuyết lựa chọn duy lý dựa vào tiền đề cho rằng con người luôn hành động một cách có chủ đích, có suy nghĩ để lựa chọn và sử dụng các nguồn lực một cách hợp lý nhằm đạt được kết quả tối đa với chi phí tối thiểu. Có nghĩa là, trước khi quyết định một hành động nào đó, con người luôn cân nhắc giữa chi phí và lợi nhuận mang lại, nếu chi phí ngang bằng hoặc nhỏ hơn lợi nhuận thì sẽ thực hiện, còn nếu chi phí lớn hơn kết quả thì họ sẽ không thực hiện hành động. Thuật ngữ "lựa chọn" được dùng để nhấn mạnh việc phải cân nhắc, tính toán để quyết định sử dụng loại phương tiện hay cách thức tối ưu trong số những điều kiện hay cách thức hiện có để đạt được mục tiêu cá nhân. Phạm vi của mục đích ở đây không chỉ có lợi ích vật chất (như tiền lãi, lợi nhuận, thu nhập) mà còn có cả lợi ích xã hội và lợi ích tinh thần.

Nghiên cứu của tác giả Kendra Dupuy thuộc Trung tâm chống tham nhũng U4 (the Anti-Corruption Resource Centre U4)¹ đã chia "lựa chọn hợp lý" trong tham nhũng thành ba vấn đề nhỏ hơn, bao gồm: (1) Vấn đề hành động tập thể; (2) vấn đề người ủy thác và người nhậm thác hay

người nhận ủy thác; (3) vấn đề về chuẩn mực xã hội².

Thứ nhất, về vấn đề hành động tập thể, khi một cá nhân chỉ tập trung theo đuổi điều họ mong muốn hơn là phối hợp với người khác (sự hợp tác) để cùng tạo ra những lợi ích chung, nguyên nhân là có sự xuất hiện những xung đột về lợi ích giữa các cá nhân khiến cho họ không muốn hợp tác làm việc cùng nhau. Tình trạng bất hợp tác này xuất hiện trong nhiều lĩnh vực, trong đó có liên quan đặc biệt đến việc cung cấp các dịch vụ công. Ở đây, mỗi cá nhân trong xã hội có xu hướng hành động để được hưởng một cách tối đa các dịch vụ công mà không tính đến phần của người khác và lợi ích chung của cộng đồng, vì cho rằng những thành viên khác trong cộng đồng có khả năng cũng sẽ hành động như vậy. Tâm lý đó được miêu tả cụ thể qua "lý thuyết trò chơi" và "lý thuyết người ngồi không hưởng lợi"³. Nó đặt ra vấn đề là để PCTN hiệu quả, cần phải giáo dục đạo đức và tính liêm chính cho mỗi cá nhân và cả cộng đồng, qua đó thúc đẩy những hành động tập thể có tác dụng phòng ngừa tham nhũng.

Thứ hai, tham nhũng còn là vấn đề giữa người ủy thác và người nhậm thác - hay người nhận ủy thác. Đây là một dạng quan hệ phổ biến xảy ra trong công ty

2. Kendra Dupuy (2018), *Functionalism and rational choice theories of corruption*, the Anti-Corruption Resource Centre U4 published, trang 2 (chức năng và lý thuyết lựa chọn hợp lý của tham nhũng, do Trung tâm chống tham nhũng U4 công bố).

3. Thuật ngữ này trong kinh tế học ám chỉ những người thích thụ hưởng các lợi ích từ hàng hóa công mà không có trách nhiệm gánh vác chi phí cần thiết để tạo ra những hàng hóa đó, hoặc chịu gánh chi phí nhưng ít hơn so với lợi ích mà họ được hưởng

1. Thành lập năm 2002 tại Na Uy, hoạt động và nghiên cứu với mục tiêu giải quyết những thách thức của tham nhũng. Hiện có tổ chức uy tín tại các quốc gia thành viên như Anh, Na Uy, Thụy Điển, Đức, Hà Lan, Canada.

hoặc tổ chức ngoài nhà nước. Đặc trưng của quan hệ này là người quản lý chỉ sở hữu một phần nhỏ, hoặc thậm chí không sở hữu vốn của công ty, ngược lại, các người chủ lại là người sở hữu vốn. Về nguyên tắc, người quản lý phải hành động vì lợi ích của người sở hữu (người chủ), song do có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền quản lý nên trong thực tế dẫn tới những trường hợp người quản lý có thể hành động vì lợi ích riêng của họ chứ không phải vì lợi ích của người sở hữu.

Liên hệ với quản trị nhà nước, người nhậm thác (hay người được uỷ thác) chính là các cơ quan, công chức nhà nước (tuy nhiên, trong thực tế còn có thể bao gồm các tổ chức hoặc công ty phi nhà nước được uỷ nhiệm cung cấp dịch vụ công - gọi chung là khu vực công), còn người uỷ thác chính là người dân. Trong quan hệ này, người dân trao quyền lực cho các cơ quan, công chức nhà nước thay mặt mình quản lý xã hội. Trong bối cảnh đó, cơ quan, công chức nhà nước phải hành động vì lợi ích của nhân dân. Tuy nhiên, trong thực tế có những cơ quan, công chức nhà nước sử dụng quyền lực được giao nhằm mục đích tối ưu hóa lợi ích của cá nhân mình thay vì lợi ích của người dân, đặc biệt là khi tồn tại "thông tin phi đối xứng"⁴ giữa người dân và nhà nước, cũng như khi người dân không có điều kiện và khả năng giám sát đầy đủ hoạt động của cơ quan, công chức nhà nước.

4. Trong kinh tế học, đây là trạng thái mất cân bằng trong cơ cấu thông tin - giữa các chủ thể giao dịch có mức độ nắm giữ thông tin không ngang nhau. Một người sẽ có thông tin nhiều hơn so với người khác về đối tượng được giao dịch. Điều này dẫn tới nhiều vấn đề trong kinh tế học, mà một trong số những hậu quả có thể xảy ra là rui ro đạo đức (xảy ra khi tình trạng chênh lệch thông tin xảy ra sau khi giao dịch được thực hiện).

Thứ ba, tham nhũng cũng có thể bị ảnh hưởng bởi môi trường xã hội. Hành vi tham nhũng có thể mang tính hệ thống và phổ biến trong một xã hội, bởi nguyên nhân của tham nhũng không chỉ từ sự suy giảm đạo đức cá nhân mà còn do có những chuẩn mực xã hội (hay tập quán văn hoá)⁵ thuận lợi cho sự tồn tại của nó. Nói cách khác, có những tập quán văn hoá tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân thực hiện hành vi tham nhũng mà không sợ bị trừng phạt, cả về mặt đạo lý và pháp lý, khi mà hành vi tham nhũng được xem là "chấp nhận được" trong xã hội. Ví dụ: Trong văn hóa Việt Nam và nhiều nước châu Á khác, phong tục tặng quà và tri ân người giúp đỡ thường bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng.

Tóm lại, mỗi loại vấn đề nêu trên đều tác động đến tình trạng tham nhũng theo cách này hay cách khác, vì thế mỗi vấn đề đòi hỏi phải có những phương thức giải quyết riêng, phù hợp. Nếu tham nhũng là vấn đề về tư cách cá nhân thì cần có những cơ chế khuyến khích mọi người thực hiện các hành vi có đạo đức để bài trừ tham nhũng. Còn nếu đó là vấn đề về tổ chức bộ máy thì cần tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực để hạn chế cơ hội cho tham nhũng. Ngược lại, trong trường hợp tham nhũng thuộc về vấn đề văn hoá thì phải tìm cách sửa đổi những phong tục, tập quán không phù hợp để xoá bỏ nền tảng cho những hành động sai trái, tránh biến tham nhũng thành một thực tế được chấp nhận trong xã hội.

5. Thuật ngữ này được định nghĩa sâu hơn là các quy tắc mà một nhóm sử dụng cho những giá trị, niềm tin, thái độ và hành vi phù hợp và không phù hợp. Chúng cũng được mô tả là các quy tắc mang tính thói quen của hành vi nhằm điều tiết tương tác của chúng ta với người khác.

Có thể thấy, lý thuyết lựa chọn duy lý đã có một chỗ đứng và vai trò nhất định trong nghiên cứu và thực hành chống tham nhũng từ lâu. Lý thuyết này lý giải hành vi tham nhũng là một tập hợp của sự tính toán và yếu tố vị lợi của bản thân. Tuy nhiên, lý thuyết lựa chọn duy lý có một lỗ hổng liên quan đến khía cạnh tâm lý về nhận thức và sự ảnh hưởng của nó đến hành động tham nhũng, vì vậy, “thuyết tâm lý học nhận thức” (hành động có ý thức) sau đây sẽ trực tiếp lý giải về lỗ hổng này.

2. Thuyết tâm lý học nhận thức (hành động có ý thức)

Nghiên cứu về tâm lý học nhận thức chứng minh rằng, để hiểu được quá trình đưa ra quyết định của một cá nhân (trong đó có quyết định thực hiện hành vi tham nhũng), cần phải xem xét những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình xử lý thông tin (như thời gian, năng lực nhận thức và động lực) của cá nhân đó. Trong tâm lý học, có những dấu hiệu chứng minh cho sự tồn tại của những yếu tố này trong nhận thức về tham nhũng, cụ thể bao gồm: (1) Yếu tố địa vị xã hội (quyền lực); (2) yếu tố danh lợi cá nhân và khả năng kiểm soát bản thân; (3) yếu tố tâm lý không muốn thua thiệt và sẵn sàng chấp nhận rủi ro; (4) khả năng hợp thức hóa.

Thứ nhất, yếu tố địa vị xã hội (quyền lực): Đây là yếu tố nền tảng trong nghiên cứu về tham nhũng (cũng chính là một trong những yếu tố cơ bản phản ánh điều kiện quan trọng của thuyết lựa chọn duy lý, đó là “độc quyền”⁶). Quyền lực ở đây được xác định như là khả năng nắm giữ

việc đưa ra quyết định, điều mà có thể tạo cơ hội cho những hành vi vô đạo đức. Như vậy, nếu thiếu quyền lực, cá nhân khó có thể thực hiện hành động tham nhũng. Một số nhà nghiên cứu, trong đó có nhà tâm lý học Kipnis, đã chỉ ra mối liên hệ giữa quyền lực với tham nhũng khi phát hiện ra rằng những người nắm giữ quyền lực thường có xu hướng tự tin hơn, sẵn sàng chấp nhận rủi ro, tìm kiếm cơ hội, ít cảm thấy tội lỗi và thường đạt lợi ích cá nhân lên đầu.

Thứ hai, yếu tố danh lợi và khả năng kiểm soát bản thân: Một số nghiên cứu của Trung tâm Chống tham nhũng U4⁷ đã chỉ ra rằng những người nắm giữ quyền lực thường có xu hướng sẵn sàng thực hiện những hành động mang lại lợi ích cho chính bản thân mình, kể cả khi những lợi ích đó chưa chắc chắn đã đạt được. Trong nghiên cứu của tác giả Trevino và Youngblood (1990)⁸ đã chứng minh rằng những cá nhân có khả năng kiểm soát bản thân và có sự phát triển nhận thức đạo đức cao hơn thì thường làm những điều đúng và ít có khả năng thực hiện các hành vi tham nhũng hơn.

Thứ ba, yếu tố tâm lý không muốn thua thiệt và sẵn sàng chấp nhận rủi ro: Tham nhũng là hành vi có khả năng rủi ro cao, đặc biệt nếu bị phát hiện thường sẽ phải chịu hình phạt nặng. Có nghiên cứu đã chỉ ra rằng, con người thường tin những điều không hay xảy ra với người khác chứ

6. Công thức tham nhũng của C. Stephan đã nêu ở phần trước là: Tham nhũng = độc quyền + bùng bít thông tin - tình minh bạch - đạo đức luân lý (gọi tắt là: C=M+D-T-M).

7. Kendra Dupuy, Siri Neset (2018), The cognitive psychology of corruption, U4 issue 2018:2 (tâm lý học nhận thức của tham nhũng).

8. Trevino, L.K., and S.A. Youngblood (1990). Bad Apples in Bad Barrels: A Causal Analysis of Ethical Decision-Making Behavior, Journal of Applied Psychology, 75(4): 378-386 (Táo xấu trong thùng xấu: Phân tích nguyên nhân của quyết định đạo đức - hành vi).

không phải với mình⁹. Tâm lý này cũng xuất hiện trong trường hợp tham nhũng, thể hiện ở chỗ những người thực hiện hành vi phi pháp thường nghĩ rằng họ có thể che giấu, luồn lách hoặc hợp thức hóa được những hành vi sai trái của mình. Điều này giải thích cho câu hỏi tại sao nhiều cá nhân thực hiện hành vi tham nhũng, mặc dù khả năng bị phát hiện là rất cao.

Thứ tư, khả năng hợp thức hóa: Con người thường tìm các phương pháp nhằm biện minh hoặc hợp lý hóa cho những hành động của mình để những hành động đó được xã hội chấp nhận. Nhà nghiên cứu Benson¹⁰ gọi đây là “lý thuyết trung hòa”. Một trong những phương pháp để bình thường hóa hành vi tham nhũng chính là hợp lý hóa nó, với mục đích xóa bỏ những định kiến xã hội về những hành vi thiếu đạo đức đó, biến nó trở thành một hành vi bình thường. Ở đây, có thể thấy việc một cá nhân cố gắng hợp thức hóa các hành vi tham nhũng của họ là điều dễ hiểu, tuy nhiên, việc xã hội có chấp nhận nó hay không mới chính là điều cần quan tâm.

Tóm lại, thuyết tâm lý học nhận thức đóng vai trò rất lớn trong việc nhìn nhận rõ ràng gốc rễ, bản chất của tham nhũng. Nếu hiểu được tâm lý của người thực hiện hành vi thì có thể dự đoán được hành động của họ trong tương lai, từ đó có những biện pháp phù hợp để kịp thời phát hiện và

ngăn chặn những hành vi tham nhũng.

3. Một số nhận xét, kinh nghiệm và giải pháp phòng, chống tham nhũng

Lý thuyết lựa chọn duy lý là lý thuyết đã thống trị các hoạt động nghiên cứu và các chính sách PCTN ở nhiều quốc gia trên thế giới trong một thời gian dài. Lý thuyết này tập trung nghiên cứu về các hành vi khách quan mà người tham nhũng thường có xu hướng thực hiện. Ví dụ: Yêu tố chuẩn mực xã hội làm ảnh hưởng đến hành vi của con người, một khi hành động tham nhũng trở nên quen thuộc trong xã hội, mọi người đón nhận và thực hiện nó như một hành động bình thường thì những người thực hiện hành động sai trái có thể không nhận thức được rằng đó là một hành động không nên làm, hoặc nếu có nhận thức được thì họ vẫn tiếp tục thực hiện bởi họ cho rằng nó sẽ không gây ra hậu quả bất lợi gì cho bản thân mình; hay như trong vấn đề hành động tập thể và mối quan hệ giữa người ủng hộ và người nhậm thác, môi trường và tình huống tạo cho cá nhân tâm lý đòi hỏi lợi ích, trên phương diện tâm lý khách quan, con người luôn có xu hướng cân nhắc giữa lợi ích riêng của mình với lợi ích chung của tập thể hoặc lợi ích của người khác, lợi ích chung có thể được thỏa mãn hoặc không nhưng lợi ích riêng thì luôn phải được thỏa mãn.

Có thể nói, lý thuyết lựa chọn duy lý đã chứng minh một cách rõ ràng rằng tham nhũng là một hành vi được thực hiện nhằm thỏa mãn cho lợi ích bản thân, tuy nhiên, nó còn chưa đủ thuyết phục để giải thích một số yếu tố phức tạp tác động đến hành vi tham nhũng, nếu không có sự nghiên cứu sâu hơn về yếu tố nhận thức. Bởi vì, yếu tố nhận thức chính là nguồn gốc của hành vi, một hành vi được tạo ra trước hết phải dựa vào yếu tố nhận thức chủ quan, sau đó mới

9 Jacquemet, N., J.L.Rullière, and J.Vialle. (2008), Monitoring Optimistic Agents, Journal of Economic Psychology, 29: 698-714 (Giám sát các tác nhân lạc quan, Tạp chí tâm lý kinh tế).

10. Benson, M (2015), White Collar Crime: Recent Trends and Debates". International Encyclopedia of the Social & Behavioral Sciences, 2nd edition, Volume 25, pp. 551-557 (Tội phạm cổ trắng: Xu hướng và tranh luận gần đây, Bách khoa toàn thư quốc tế về khoa học xã hội và hành vi).

đến yếu tố hoàn cảnh khách quan. Lý giải như vậy mới đảm bảo được tính chính xác; từ đó, mới đề xuất được những giải pháp PCTN phù hợp, toàn diện và hiệu quả hơn.

Những hạn chế của lý thuyết lựa chọn duy lý đã tạo tiền đề cho các nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động chống tham nhũng tìm ra lý thuyết mới để có thể lý giải được hành vi tham nhũng từ gốc rễ - tức là từ cấp độ tâm lý nhận thức của con người: Chính là lý thuyết tâm lý học nhận thức về/trong tham nhũng. Lý thuyết này tập trung nghiên cứu về ý chí chủ quan của người thực hiện hành vi tham nhũng khi liên hệ với các yếu tố khách quan có ảnh hưởng đến năng lực nhận thức và động cơ thực hiện hành vi. Điều này gợi mở cho việc xây dựng những cơ chế phòng ngừa tham nhũng mà tác động trực tiếp đến tâm lý nhận thức của con người, như: Cơ chế kiểm soát hành vi, cơ chế giải trình và cơ chế trừng phạt.

Tổng hợp lại, gắn với lý thuyết nêu trên, một số nhà nghiên cứu nổi tiếng đã đưa ra những công thức lý giải cơ chế phát sinh, phát triển của tham nhũng và định hướng cách thức phòng, chống tệ nạn này. Ví dụ, Robert Klitgaard xác định: “Tham nhũng = Độc quyền + Bưng bít thông tin - Trách nhiệm giải trình”¹¹. Tương tự công thức trên song có tính chi tiết cao hơn, C. Stephan cho rằng: “Tham nhũng = Độc quyền + Bưng bít thông tin - Tinh minh bạch - Đạo đức luân lý”¹²

Theo những công thức nêu trên, tham

những phát sinh từ các yếu tố là độc quyền, bưng bít thông tin, thiếu tinh minh bạch và thiếu đạo đức, trong đó: “Độc quyền” là việc một hệ thống (thường là chính quyền) sở hữu phần lớn hoặc toàn bộ tài sản và chi phối thị trường mà không thông qua quy luật thị trường; “bưng bít thông tin” là khả năng chi phối thông tin và đánh lạc hướng dư luận; “tinh minh bạch” là sự trong sáng trong chính sách hành chính công, chi phí công và đầu thầu công; “đạo đức” phản ánh năng lực luân lý của người tham gia vào hệ thống, năng lực này để nhận biết điều đúng và điều sai.

Các công thức nêu trên đặc biệt chính xác khi đối chiếu với hoạt động của bộ máy nhà nước, khi các cán bộ công chức nhà nước thường có đặc quyền và có thẩm quyền quyết định đối với các nguồn lực của đất nước. Như vậy, chiến lược để ngăn chặn và giảm thiểu tham nhũng trong khu vực công cần phải là: Làm giảm đi tính độc quyền và làm gia tăng tính công khai, minh bạch của bộ máy công quyền thông qua các biện pháp như: Áp dụng các quy luật của kinh tế thị trường để giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước vào các hoạt động kinh tế; mở rộng các quyền dân chủ, đặc biệt là sự tham gia của người dân trong quản lý xã hội; củng cố các cơ chế kiểm soát quyền lực và bảo đảm trách nhiệm giải trình của các cơ quan, công chức nhà nước... Cuộc chiến chống tham nhũng ở các quốc gia trên thế giới hiện nay phần lớn đều áp dụng chiến lược này, mặc dù với cách thức và mức độ ít nhiều khác nhau. Điển hình về việc áp dụng chiến lược này và đạt thành công trong cuộc chiến chống tham nhũng là các nước: Đan Mạch, Thụy Điển, Vương quốc Anh, Pháp, Hoa Kỳ,... (ở châu Âu và châu Mỹ); Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc,... (ở châu Á).

11. Klitgaard Robert (1988), *Kiểm soát tham nhũng*, Nxb. Đại học California.

12. Stephan Constatin (2012), *Industrial Health, Safety and Environment Management*, MV Wissenschaft, 3rd edition, page 26, ISBN 978-3-86582-452-3 (Y tế công nghiệp, quản lý sự an toàn và môi trường).

Lấy ví dụ từ Singapore, một quốc gia Đông Nam Á, phần đầu từ một nước có tệ nạn tham nhũng tràn lan (trong những thập kỷ 1960, 1970) trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới về ít tham nhũng trong bảng đánh giá hàng năm của Tổ chức Minh bạch quốc tế. Một số bài học kinh nghiệm từ Singapore có thể kể đến là: Xây dựng tập quán công quyền tốt đẹp và chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với công chức để công chức luôn phải cân nhắc và giữ gìn phẩm hạnh; Đặt ra hình phạt nặng và thể hiện ý chí kiên quyết xử lý đối với người tham nhũng, bất kể địa vị hay đã từng có cống hiến cho đất nước trước đó; xây dựng cơ quan chuyên trách chống tham nhũng hoạt động độc lập. Đúc rút lại, tất cả những gì mà Singapore thực hiện trong lĩnh vực này là để xây dựng một hệ thống công vụ trong sạch, trong đó công chức “không thể tham nhũng, không dám tham nhũng và không muốn tham nhũng”.

Đối với Việt Nam, trong Hội nghị lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã xác định tình hình về tham nhũng, lãng phí “vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành... gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước”¹³. Từ tình hình đó, Hội nghị đã thành lập Ban chỉ đạo Trung ương¹⁴ về PCTN trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư làm

Trưởng ban chỉ đạo; lập lại Ban Nội chính Trung ương và Ban Nội chính ở các địa phương với mong muốn tạo bước chuyển mới trong công tác đấu tranh PCTN. Từ đó đến nay, sau 05 năm, Ban chỉ đạo thành lập, công cuộc đấu tranh PCTN của Việt Nam đã có những dấu ấn tích cực và đạt được nhiều kết quả tốt, được nhân dân đồng tình và được các tổ chức quốc tế ghi nhận thông qua một số công tác phải kể đến như sau:

Thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo đã lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết xử lý nghiêm minh, có lý, có tình một số cán bộ cao cấp cả đương chức và đã nghỉ hưu, có vi phạm liên quan đến các vụ án tham nhũng nghiêm trọng, hoặc nằm trong “vùng cấm, nhạy cảm”, đã được chỉ đạo xử lý nghiêm minh¹⁵. Bước đi này đã mang lại hiệu quả cao trong công tác PCTN, bởi nó có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe và phòng ngừa tham nhũng trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

Thứ hai, thực hiện công tác tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán để kịp thời phát hiện xử lý nghiêm minh các sai phạm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước. Các cơ quan thanh tra, kiểm toán tăng cường thanh tra những lĩnh vực có nhiều dư luận tiêu cực, các dự án gây thất thoát kéo dài, dư luận xã hội quan tâm để phát hiện và xử lý các vi phạm kịp thời.

Thứ ba, quy định của Đảng và pháp luật của nhà nước về xây dựng Đảng, quản lý

13. Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/5/2012, Kết luận Hội nghị TW 5 khóa XI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN.

14. Ban Chỉ đạo được thành lập ngày 01/02/2013 theo Quyết định số 162-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

15. Điển hình như: Vụ án xảy ra tại ngân hàng TMCP Đại Tín hơn 10.000 tỷ đồng; vụ án xảy ra tại ngân hàng TMCP Xây dựng (giai đoạn I) hơn 6.000 tỷ đồng; vụ AVG hơn 8.500 tỷ đồng; vụ án đánh bạc, tổ chức đánh bạc xảy ra tại Phú Thọ hơn 1.400 tỷ đồng...

(Xem tiếp trang 59)